Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2919.10.00

Mã HS	2919.10.00
Mô tả hàng hóa	Este phosphoric và muối của chúng, kể cả lacto phosphat; các dẫn xuất đã halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng. / - Tris(2,3-dibromopropyl) phosphat
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 19:18:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29191000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4147
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4147
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4147
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4093
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4054
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4054
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4054
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4054
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4054
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4054
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4092
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4092

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4092
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4092
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4092
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4092
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4096
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4096
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4096
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4096
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4096
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4096
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4096
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4060
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4056
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4056
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4056
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4056
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4056
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4056
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4056
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4056
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4056
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4056
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4056
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4056
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4103
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4103

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4103
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4103
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4103
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4103
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4100
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4100
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4100
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4100
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4100
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4100
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4108
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4108
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4108
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4108
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4108
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4108
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4079
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4079
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4079
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4079
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4079
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4079
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4081
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4081
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4081
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4081

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4081
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4081
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4079
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4079
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4079
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4079
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4079
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4079
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4079
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4100
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4100
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4100
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4100
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4100
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4100
RCEP B	2022	2022	0	B!D4100
RCEP B	2023	2023	0	B!E4100
RCEP B	2024	2024	0	B!F4100
RCEP B	2025	2025	0	B!G4100
RCEP B	2026	2026	0	B!H4100
RCEP B	2027	2027	0	B!I4100
RCEP C	2022	2022	0	C!D4100
RCEP C	2023	2023	0	C!E4100
RCEP C	2024	2024	0	C!F4100
RCEP C	2025	2025	0	C!G4100
RCEP C	2026	2026	0	C!H4100

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4100
RCEP D	2022	2022	0	D!D4100
RCEP D	2023	2023	0	D!E4100
RCEP D	2024	2024	0	D!F4100
RCEP D	2025	2025	0	D!G4100
RCEP D	2026	2026	0	D!H4100
RCEP D	2027	2027	0	D!I4100
RCEP E	2022	2022	0	E!D4103
RCEP E	2023	2023	0	E!E4103
RCEP E	2024	2024	0	E!F4103
RCEP E	2025	2025	0	E!G4103
RCEP E	2026	2026	0	E!H4103
RCEP E	2027	2027	0	E!I4103
RCEP F	2022	2022	0	F!D4100
RCEP F	2023	2023	0	F!E4100
RCEP F	2024	2024	0	F!F4100
RCEP F	2025	2025	0	F!G4100
RCEP F	2026	2026	0	F!H4100
RCEP F	2027	2027	0	F!I4100
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3768
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3768
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3768
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3768

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2919.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2919.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4147), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.